

**sebia**

**5 von WILLEBRAND MULTIMERS  
VISUALIZATION KIT**

Ref. 4747

IVD

CE

2017/03

**5 von WILLEBRAND MULTIMERS VISUALIZATION KIT**

THÀNH PHẦN	PN 4747
Dung dịch pha loãng kháng huyết thanh (sẵn dùng)	1 lọ, 65 mL
Kháng huyết thanh yếu tố von Willebrand (dung dịch gốc)	1 lọ, 0.7 mL
Kháng thể Ig G – PER (dung dịch gốc)	1 lọ, 50 µL
Dung môi TTF1 / TTF2 (sẵn dùng)	1 lọ, 40 mL
TTF1 (dung dịch gốc)	2 lọ, 0.5 mL mỗi lọ
TTF2 (dung dịch gốc)	2 lọ, 0.5 mL mỗi lọ

*LƯU Ý: Cần có hai bộ kit 5 von WILLEBRAND MULTIMERS VISUALIZATION KITS để sử dụng đủ cho một bộ HYDRAGEL 11 von WILLEBRAND MULTIMERS.*

**1.1. DUNG DỊCH PHA LOÃNG KHÁNG HUYẾT THANH****Chuẩn bị**

Chất pha loãng kháng huyết thanh đã sẵn sàng để sử dụng. Nó chứa: dung dịch đệm pH  $7.2 \pm 0.5$ ; phụ gia không gây hại ở nồng độ sử dụng, cần thiết cho hiệu suất tối ưu.

**Sử dụng**

Dùng cho việc pha loãng kháng huyết thanh von Willebrand và kháng thể Ig G - peroxydase, ngay trước khi sử dụng.

**Lưu trữ, ổn định và dấu hiệu hư hỏng**

Lưu trữ dung dịch pha loãng kháng huyết thanh trong tủ lạnh (2 đến 8 °C). Nó ổn định cho đến ngày hết hạn được ghi trên gói kit hoặc nhãn lọ.

Chất pha loãng kháng huyết thanh phải không có kết tủa.

*LƯU Ý: Trong quá trình bảo quản, chất pha loãng kháng huyết thanh có thể chuyển sang màu vàng mà không có bất kỳ ảnh hưởng xấu nào đến hiệu suất của nó.*

**1.2. KHÁNG HUYẾT THANH YẾU TỐ von WILLEBRAND****Chuẩn bị**

Lọ kháng huyết thanh chứa huyết thanh miễn dịch yếu tố von Willebrand toàn phần từ động vật hữu nhũ.

**HYDRAGEL 5 von WILLEBRAND MULTIMERS:** Chuẩn bị dung dịch kháng huyết thanh làm việc ngay trước khi sử dụng. Pha loãng kháng huyết thanh bằng chất pha loãng: 60 µL kháng huyết thanh và 2.5 mL dung dịch pha loãng. Trộn đều.

**HYDRAGEL 11 von WILLEBRAND MULTIMERS:** Chuẩn bị dung dịch kháng huyết thanh làm việc ngay trước khi sử dụng. Pha loãng kháng huyết thanh bằng chất pha loãng: 135 µL kháng huyết thanh và 5.0 mL dung dịch pha loãng. Trộn đều.

**Sử dụng**

Dùng cho miễn dịch cố định của các đa phân yếu tố von Willebrand sau khi điện di.

**Lưu trữ, ổn định và dấu hiệu hư hỏng**

Lưu trữ kháng huyết thanh trong tủ lạnh (2 đến 8 °C). Nó ổn định cho đến ngày hết hạn được ghi trên gói kit hoặc nhãn lọ. Kháng huyết thanh phải không có kết tủa. Hủy bỏ kháng huyết thanh nếu có bất kỳ thay đổi bề ngoài nào, ví dụ, vẩn đục do nhiễm vi khuẩn được quan sát.

**1.3. KHÁNG THỂ Ig G - PER****Chuẩn bị**

Lọ kháng thể Ig G - PER chứa kháng thể đơn dòng Ig G của động vật hữu nhũ, kết hợp với peroxidase.

**HYDRAGEL 5 von WILLEBRAND MULTIMERS:** Chuẩn bị dung dịch kháng thể làm việc ngay trước khi sử dụng. Pha loãng kháng thể với chất pha loãng: 2 µL kháng thể và 4 mL dung dịch pha loãng. Trộn đều.

**HYDRAGEL 11 von WILLEBRAND MULTIMERS:** Chuẩn bị dung dịch kháng thể làm việc ngay trước khi sử dụng. Pha loãng kháng thể với chất pha loãng: 4  $\mu\text{L}$  kháng thể và 8 mL dung dịch pha loãng. Trộn đều.

**QUAN TRỌNG:** Để sử dụng kháng thể Ig G - PER, hãy sử dụng pipet có đầu đủ mỏng để không bị kẹt trong lỗ mở của lọ.

#### **Sử dụng**

Dùng để miễn dịch cố định và quan sát peroxidase của các đa phân yếu tố von Willebrand.

#### **Lưu trữ, ổn định và dấu hiệu hư hỏng**

Bảo quản kháng thể Ig G - PER trong tủ lạnh (2 đến 8 °C) và tránh ánh sáng. Nó ổn định cho đến ngày hết hạn được ghi trên gói kit hoặc nhãn lọ. Kháng thể phải không có kết tủa. Hủy bỏ kháng thể nếu có bất kỳ thay đổi bề ngoài nào, ví dụ, vẩn đục do nhiễm vi khuẩn được quan sát.

*LƯU Ý: Kháng huyết thanh và kháng thể có nguồn gốc từ các loài động vật khác nhau. Không trộn hai lọ khác nhau và LUÔN LUÔN thay đổi đầu pipet khi hút từng thuốc thử.*

### **1.4. DUNG MÔI TTF1 / TTF2**

#### **Chuẩn bị**

Dung môi TTF1 / TTF2 đã sẵn sàng để sử dụng. Nó chứa các thành phần, không gây hại ở nồng độ được sử dụng, cần thiết cho hiệu suất tối ưu.

#### **Sử dụng**

Dùng cho chuẩn bị dung dịch quan sát trực quan, như được mô tả trong đoạn sau (TTF1 và TTF2).

#### **Lưu trữ, ổn định và dấu hiệu hư hỏng**

Dung môi TTF1 / TTF2 có thể được bảo quản ở nhiệt độ phòng (15 đến 30 °C) hoặc làm lạnh (2 đến 8 °C). Nó ổn định cho đến ngày hết hạn được ghi trên gói kit hoặc nhãn lọ. Dung môi TTF1 / TTF2 phải không có kết tủa.

### **1.5. TTF1 VÀ TTF2**

#### **Chuẩn bị**

- Đặt lọ TTF1 và TTF2 ở nhiệt độ phòng trong 30 phút trước khi sử dụng.

- **Đồng nhất kỹ bằng cách khuấy từng lọ trước khi chuẩn bị dung dịch quan sát trực quan TTF.**

- **HYDRAGEL 5 von WILLEBRAND MULTIMERS:** Ngay trước khi sử dụng, chuẩn bị dung dịch quan sát trực quan TTF làm việc. Thêm các thuốc thử theo thứ tự sau để tránh mọi nguy cơ kết tủa: 3 mL dung môi TTF1 / TTF2, 75  $\mu\text{L}$  TTF1, 75  $\mu\text{L}$  TTF2 và 3  $\mu\text{L}$  hydro peroxide ( $\text{H}_2\text{O}_2$ ) 30%.

- **HYDRAGEL 5 von WILLEBRAND MULTIMERS:** Ngay trước khi sử dụng, chuẩn bị dung dịch quan sát trực quan TTF làm việc. Thêm các thuốc thử theo thứ tự sau để tránh mọi nguy cơ kết tủa: 6 mL dung môi TTF1 / TTF2, 150  $\mu\text{L}$  TTF1, 150  $\mu\text{L}$  TTF2 và 6  $\mu\text{L}$  hydro peroxide ( $\text{H}_2\text{O}_2$ ) 30%.

#### **Sử dụng**

Dùng để quan sát trực quan protein được miễn dịch cố định thông qua kháng thể có gắn peroxidase.

#### **Lưu trữ, ổn định và dấu hiệu hư hỏng**

Lưu trữ lọ TTF1 và TTF2 chuẩn trong tủ lạnh (2 đến 8 °C). Chúng ổn định cho đến ngày hết hạn được ghi trên gói kit hoặc nhãn lọ. Các dung dịch TTF1 và TTF2 phải không có kết tủa.

**QUAN TRỌNG:** Sau khi bảo quản ở 2 - 8 °C, dung dịch gốc TTF1 và TTF2 ở dạng rắn nhưng chúng dễ dàng tái hòa tan ở nhiệt độ phòng. Các lọ TTF1 và TTF2 phải được đặt ở nhiệt độ phòng trong 30 phút trước khi sử dụng. Đồng hóa kỹ bằng cách khuấy từng lọ trước khi chuẩn bị dung dịch quan sát trực quan TTF làm việc.

**sebia**

Parc Technologique Léonard de Vinci  
CP 8010 Lisses - 91008 EVRY Cedex - France  
Tél : 33 (0)1 69 89 80 80 - e-mail : [sebia@sebia.com](mailto:sebia@sebia.com)

**sebia Benelux SCS / Comm. V**

Jan Olfstagerlaan 41  
1800 Vilvoorde  
Belgique / België  
Tél. : 32 (0)2 702 64 64  
Fax : 32 (0)2 702 64 60  
e-mail : [sebia.benelux@sebia.be](mailto:sebia.benelux@sebia.be)

**sebia Brasil**

Edifício Baker Office Tower  
Rua Barão do Triunfo, 73, conjunto 51  
CEP 04602-000  
Bairro Brooklin Paulista, São Paulo - SP  
Brasil  
Tel. : 55 11 3849 0148  
Fax : 55 11 3841 9816  
e-mail : [sebia@sebia.com.br](mailto:sebia@sebia.com.br)

**sebia GmbH**

Münsterfeldallee, 6  
36041 Fulda  
Deutschland  
Tel. : 49 (0)661 3 30 81  
Fax : 49 (0)661 3 18 81  
e-mail : [sebia@sebia.de](mailto:sebia@sebia.de)

**sebia Hispania s.A.**

C/Sicilia, n° 394  
08025 Barcelona  
España  
Tel. : 34 93 208 15 52  
Fax : 34 93 458 55 86  
e-mail : [sebia@sebia.es](mailto:sebia@sebia.es)

**sebia Inc.**

400-1705 Corporate Drive  
Norcross, GA 30093  
U.S.A.  
Tel. : 1 770 446 - 3707  
Fax : 1 770 446 - 8511  
e-mail : [info@sebia-usa.com](mailto:info@sebia-usa.com)

**sebia Italia S.r.l.**

Via Antonio Meucci, 15/a  
50012 Bagno a Ripoli (FI)  
Italia  
Tel. : 39 055 24851  
Fax : 39 055 0982083  
e-mail : [info@sebia.it](mailto:info@sebia.it)

**sebia UK Ltd**

River Court, Meadows Business Park  
Station Approach, Blackwater  
Camberley, Surrey, GU17 9AB  
United Kingdom  
Tel. : 44 (0)1276 600636  
Fax : 44 (0)1276 38827  
e-mail : [info@sebia.co.uk](mailto:info@sebia.co.uk)

**sebia**

Shanghai Representative Office  
Cross Tower, Room 2306-07  
318 Fuzhou Road  
Shanghai 200001  
China  
Tel. : 00 86 (21) 6350 1655  
Fax : 00 86 (21) 6361 2011  
e-mail : [sebia@sebia.cn](mailto:sebia@sebia.cn)